

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-3-2025

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Thuần.

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 550/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé T1**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Vắng mặt anh T, chị T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày: A và chị T1 chung sống với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 28/9/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T1.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 21/10/2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Lâm Gia B, sinh ngày 10/9/2015. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao cháu B cho chị T1 nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh T chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T; Giao con chung là Nguyễn Lâm Gia B, sinh ngày 10/9/2015 cho chị T1 nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị T1 nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Ngày 09/01/2025, nguyên đơn anh T có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, chị T1 không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên chị đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 21/10/2001 (đã trưởng thành) và Nguyễn Lâm Gia B, sinh ngày 10/9/2015. Anh T yêu cầu giao cháu B cho chị T1 nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu B đang sống và có nguyện vọng được sống với chị T1, vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý và cuộc sống của cháu B thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu B cho chị T1 nuôi dưỡng, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, chị T1 có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên và anh T đồng ý thực hiện. Vì vậy, yêu cầu của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 83, Điều 110 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 106 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T2.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T2 được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé T1;

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Lâm Gia B, sinh ngày 10/9/2015 cho chị Nguyễn Thị Bé T1 nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T2 phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh T2 chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Anh T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008242 ngày 18/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên anh phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T2 và chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã Song Bình, huyện Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni